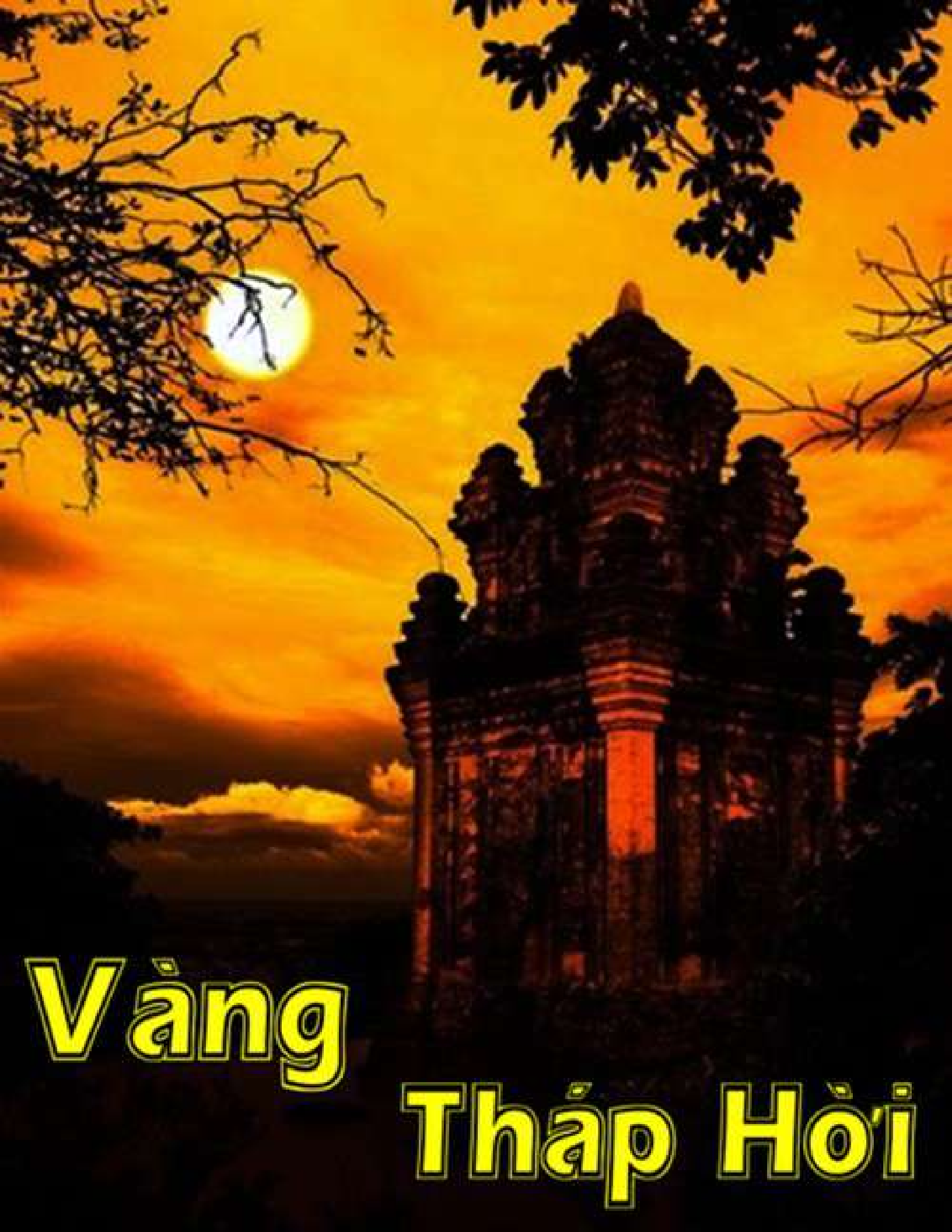




Vàng

Tháp Hời

VÀNG THÁP HỜI
Truyện Ngắn - 1960
Tác giả: **VŨ HẠNH**
Ebook: **cuibap**
Text: **Đền biển - tusachtuoihoa**

Một

Chuyện này xảy ra cách đây khá lâu, khi làng Đồng-Dương còn nguyên hai ngọn Tháp Mẹ, Tháp Con.

Hai tháp nằm cách con đường quốc lộ khoảng mười cây số, giữa vùng đồi núi miền thượng quận Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, thuộc trong khu vực của một kinh đô Chiêm Thành ^[1] ngày xưa.

Phía bắc hai tháp, cách một cây số, có sông Ly Ly nước chảy uốn khúc, quanh năm rù rì tuôn qua các ghềnh đá lớn nhấp nhô rồi thu hẹp dòng len lỏi giữa những bãi cát vàng hau để tìm ra bể. Phía nam là những ruộng đồng xen lẫn núi đồi và phía tây dẫn đến Việt An, một chợ miền nguồn, quanh năm có những trái cây chín ngọt và những cô gái giỏi nghề bán buôn với một nụ cười luôn thắm, đôi má luôn hồng. Phía đông, cách vài cây số, bên phải con đàng cái quan nối từ miền biển lên nguồn có một cái ao rộng lớn, vuông vắn – tục gọi ao Vuông – bốn mùa không cạn, có lẽ là nơi vua Chiêm Thành lấy đất xây đắp đền đài và biến thành chỗ hăng năm tổ chức những lễ đua thuyền trong ngày hội lớn. Trước khi chuyện này xảy ra, nhiều người bảo rằng ao Vuông vẫn được thông thương với ngôi giếng cổ nằm trong khu vực hai tháp bằng một mạch nước chảy ngầm, và bỏ quả bưởi xuống giếng thì nửa buổi sau có thể thấy nó bồng bênh nổi trên mặt ao. Gần chung quanh tháp là ruộng gò và đồi cây cần cỗi, dân cư thưa thớt. Chỉ có gia đình Cửu Dật ở trong một vườn tre bọc kín là gần tháp nhất. Ông Dật, họ Trà, vốn là dòng dõi người Hời đã được Việt hóa trải qua nhiều đời, nhưng vì sống mãi bên những ngôi tháp luôn luôn nhắc nhở nguồn gốc của mình nên ông vẫn giữ cốt dáng thể chất, tinh thần dễ thấy trong những mẫu người Chiêm Thành chính thống còn lại ngày nay. Ông ít nói, dăm chiêu, thu hình lại trong thế tự vệ thường trực đối với cuộc đời, có

vẻ lạc loài giữa những lớp người đồng thời và những tượng đá rêu phong đứng ngời trầm mặc trong một khu rừng hoang vắng. Không hiểu ở nơi lòng ông nổi niềm vong quốc có khuấy động gì chẳng nhưng một mỗi lần khoan đã giày vò ông từ thời còn trẻ là sự khám phá những món ngọc vàng ẩn tàng ở trong cổ tháp. Thực ra sự khát thèm những của quý vẫn nung nấu bao đời tiền bối ông Cửu Dật nhưng trước di tích cổ đại được thù dệt bằng những chuyện ma quái hoang đường, mọi người đều phải đặt lòng tham vàng dưới sự tôn kính. Nhưng đến ông Cửu, con người đã từng theo hầu quan trên xông pha trận mạc thì tượng đá mất nhiều tính chất linh thiêng. Ông đã bỏ mất nhiều năm trong thời còn trẻ để đào xới tìm tòi. Nhiều pho tượng như thần Ga-Nơ-Xa đã bị ông chém cụt chiếc vòi voi và bẻ gãy bốn tay để đòi chất ngọc, tượng thần Xi-va bị ông bửa nát để chân to lớn để hỏi chất vàng và những nàng vũ nữ Áp-Xa-Ra duyên dáng cũng bị ông khoét bụng để tìm châu báu.

Những cuộc tìm kiếm lâu dài ấy không đem lại gì cho ông Cửu Dật nhưng đã mang đi gần hết sinh lực của buổi xuân thời. Mỗi khi về già, liệu thấy sức mình đã kiệt, ông mới tiết lộ cho nhiều trai trẻ họ hàng biết rằng, theo những di chúc khẩu truyền, thì còn một món vàng ngọc quý nhất giấu trong miệng con rắn đá chôn sâu dưới một gốc cây đuôi trắng. Cây đuôi trắng trở thành mối ám ảnh giàu sang cho nhiều trai trẻ, nhưng bất kỳ đâu họ cũng chỉ tìm gặp những cụm đuôi xanh chĩa những cành lá tươi tốt ở trên lớp đất sỏi cằn. Đến khi người Pháp đem những chiếc xe to đến chở những pho tượng lớn nhất – những pho tượng mà ông Cửu Dật không có đủ sức phá hủy – mang về bảo tàng viện Đà Nẵng và Hà Nội thì ông Cửu Dật gần như tuyệt vọng hẳn rồi. Họa hoằn, chiều đến, ông mới bước chân vào rừng, ngược mắt nhìn ngôi Tháp Mẹ cao vút sừng sững che rợp bóng lớn lên ngọn Tháp Con kiên nhẫn đứng kề, rồi ông đảo mắt một vòng lướt qua rất mau trên các tượng đá, như không dám nhìn thật kỹ những cái hình thù long lở vì đôi bàn tay sục sạo của ông.



Một chiều cuối thu năm Dậu, hai người ăn mày rách rưới, đen đui, đến tháp Đồng Dương.

Họ đến đứng vào lúc nào, ban đầu không ai được biết. Mấy hôm liền, hai đứa cháu trai của ông Cửu Dật chần bò thấy hai bóng người lò rò ở chung quanh tháp, rủ nhau lén đến nhìn xem mới rõ một già một trẻ suốt ngày cặm cụi tìm đọc các bia đá cũ ngổn ngang trong các lùm cây, bờ thành long lở. Khi chúng kể lại thì bà Cửu Dật vỗ đùi cái đập, sức nhớ ra rằng cách đây năm hôm, đi mua mắm muối ở chợ Được về, bà gặp trên đường hai người ăn xin – đúng hệt hình dạng như bọn trẻ nói – lơ lơ hỏi bà con đường về tháp. Ông Cửu nghe xong, có vẻ suy nghĩ nhiều lắm, về mãi mấy sợi râu cặm lưà thưa và gương cặp mắt già nua trũng trũng nhìn vào bát nước chè đen quên uống đã nguội từ lâu, dần dần tan đi những lớp bọt vàng.

Đêm ấy, trái với lệ thường, ông Cửu hồi bảo trong nhà ngủ sớm và ông đi nằm trước cả mọi người. Rất khuya, ông vẫn nằm yên, đếm từng giấc ngủ của những người nhà và đợi tiếng ngáy của họ trở nên đều đặn. Ở ngoài, vầng trăng mười tám lên cao, chiếu lọt qua các kẽ hở phen tre những vệt sáng dài. Biết chắc mọi người đã ngủ say, ông mới rón rén trở dậy, rút lấy chiếc dao để săn thú rừng luôn luôn đặt dưới gầm phản và mở cửa mạch, nhẹ nhàng lách mình ra ngoài.

Nép dưới bóng cây, ông đi lần mò vào tháp. Đến bức thành ngoài của ngôi tháp mẹ ông dừng bước lại, để tai nghe ngóng giây lâu. Không một bóng người, không một tiếng động, chỉ nghe tiếng than bất tận của loài côn trùng râm ran trong các lùm cây bụi cỏ, thỉnh thoảng tiếng gáy của loài rắn độc ẩn mình trong các chân thành. Ông vẫn nín thở đứng yên, dồn hết tinh lực lên đôi mắt già, soi mói nhìn từng tượng đá bụi cây cố tìm lấy một bóng người. Có lẽ họ đã ngủ yên trong tháp, hoặc đã đi rồi. Một bầy dơi quạ từ đâu bên mạn Quế Sơn bay về, sà xuống trên các ngọn cốc um tùm, kêu lên chí chóa để tìm chỗ đậu gây nên đôi phút rộn ràng ở tận trên cao rồi cái màn đêm bao la khuấy đục sữa trắng lấy lại không khí âm thầm bí mật. Và hai cửa tháp tối đen im lìm như hai hang sâu thăm thăm về quá khứ ngàn đời.

Ông Cửu nghĩ rằng ban chiều hai người còn lần mò tìm đọc các bia đá thì chắc họ chưa khám phá được gì và đêm nay còn ở nơi đây để đến ngày

mai tiếp tục, ông sẽ có dịp theo dõi kỹ hơn, thế nào trong tuần trăng này ông cũng tính chuyện gặp gỡ với họ.

Vừa toan quay về ông bỗng nghe một tiếng động kỳ lạ ở đâu trên cao. Không phải là một nhánh cây khô gãy hay một cánh dơi vỗ mạnh trong đêm, tiếng động như sự va chạm của loài gạch đá hay sự tuôn đọng bất thần của hai vật nặng. Ông ngẩng tai, nghe ngóng. Im lìm. Rồi một hơi gió, hay tiếng thở dài như từ chót đỉnh chảy lan xuống đến chân thềm – Kinh ngạc, ông nhìn thấy một vệt sáng thẳng đứng trong lòng Tháp Mẹ từ trên rơi xuống dưới nền một khoảng rất tròn. Vầng trăng lên đến đỉnh đầu như có sức mạnh dị thường chọc thủng đỉnh tháp để trồng một cột ánh sáng lạ lùng. Ông Cửu còn đang phân vân tự hỏi vì đâu mà có hiện tượng kỳ quái thế này thì bỗng nghe trên đỉnh cao có những hơi thở gấp rút nặng nề mỗi lúc mỗi thêm một nhọc, hỗn hển. Rồi một tiếng rú vang lên kịp thời ghìm lại và hai khối nặng sà sạt rọc các bụi cây giáng mạnh xuống mặt đất đầy gạch đá đổ nát. Ông Cửu vội vã leo qua bờ gạch chạy ra sau tháp, đến nơi xuất phát tiếng động. Dưới ánh trăng sáng ông thấy một người quần quai nằm trên vũng máu. Kẻ bị nạn cố nén tiếng kêu từ trong lồng ngực phát ra, vắn người, giẫy giụa, hầu mong giảm bớt những nỗi đau đớn đang giày xéo mình. Tất cả sự việc xảy ra một cách đột ngột bi thảm giữa lúc đêm khuya, trong chốn hoang vắng mà lúc ban ngày cũng ít bóng người lui tới khiến ông Cửu Dật đứng sững rất lâu, không biết xử liệu thế nào. Đến khi người kia nằm yên trong máu và rên khe khẽ từng chập từng hồi theo cơn nhức nhối của các vết thương thì ông mới định thần lại, bước tới gần kề, nhìn thấy một người già nua gầy ốm nằm giường cạp mắt lơ đãng, nét mặt co lại trong vẻ đau đớn tột cùng.

Ông Cửu hỏi khẽ:

- Làm gì ở đây? Sao đến nỗi này?

Người kia có vẻ kinh sợ, chăm chăm nhìn ông không nói tiếng nào, như phải đối diện với một hồn ma thành linh xuất hiện.

Ông Cửu đặt tay lên người bị nạn, ôn tồn:

- Tôi ở gần đây, đừng có ngại gì. Tôi vốn họ Trà.

Nét mặt người kia dịu lại, có vẻ trầm ngâm. Một lát, người ấy cất giọng khàn khàn:

- Khát quá. Tôi phải chết thôi.

Ông Cửu vỗ nhẹ nhẹ lên cánh tay khẳng khiu quờ quạng liên hồi ở trên lồng ngực gầy gò, an ủi:

- Nằm yên, tôi đi lấy nước. Ở đây có ngôi giếng cổ...

Người kia bỗng kêu thét lên:

- Thôi đi! Thôi Đi!

Ông Cửu nhú mày nhìn vào cặp mắt trợn trừng hốt hoảng lồ lộ trên khuôn mặt già nua soi tỏ ánh trắng, tưởng chừng chứng kiến những cơn thác loạn trước phút lìa trần.

Người kia quờ quạng nắm cánh tay ông, nói bằng một giọng van lơn:

- Ngồi đây, tôi không còn khát nữa đâu. Đã hết khát rồi.

Ngừng lại một chút, người ấy khàn khàn nói tiếp:

- Còn giếng nước nào nữa không? Chao ôi! Có vũng nước nào...

Ông Cửu không trả lời, nhìn vào trong những lùm cây ủ dầy bóng tối. Sau một lát trầm ngâm, ông hỏi:

- Một người nữa đâu?

Người kia nhắm nghiền mắt lại, không đáp. Ông Cửu nhớ lúc vừa rồi như có hai người từ cao rớt xuống. Ông vội đứng dậy, nhưng người này đã mở đôi mắt thao láo nhìn ông:

- Đi đâu?

Ông Cửu đáp:

- Tìm một người nữa.

Người bị nạn bỗng nhiên nở một nụ cười nham nhở rồi giơ bàn tay gầy guộc ra dấu cản ngăn:

- Không bao giờ tìm thấy hẩn đâu. Đừng tìm vô ích. Ta cùng rơi xuống với mô đá chạm ở trên chót đỉnh. Tìm giùm vật ấy cho ta.

Ông Cửu đoán rằng mô đá không thể rơi xa chỗ người bị nạn nhưng ông đảo mắt nhìn quanh mà chẳng tìm thấy. Bấy giờ mặt trăng đã bị một đám mây dày bao phủ và cả khu rừng chìm trong ánh sáng âm u. Ông Cửu ngồi

xuống bậc thềm cạnh tháp để chờ và người bị nạn khó nhọc chống tay ngồi dậy, ngược đầu nhìn lại phía ông, ra dáng ngóng đợi.

Khi trăng ra khỏi đám mây, ông Cửu sục sạo trong các bụi rậm cạnh đấy, cuối cùng tìm được mô đá nằm giữa một khóm sim dày. Mô đá khá nặng và khi mang đến chỗ người bị nạn cách đấy chừng năm sáu thước, ông Cửu đã thở hào hển.

Trông thấy vật này, người kia gần như quên hết đau đớn, ngồi thẳng dậy được, ôm nó trong lòng, hai tay khằng khiu cổ ghì chặt lấy như ghì một người yêu dấu, mái đầu cúi xuống rất gần, phơi dưới ánh trăng lớp tóc thưa thớt, quần queo đã bạc, phía dưới bê bết những máu và cả vạt áo sau lưng thấm máu đen sì.

Ông Cửu đứng yên, nhìn từng cử điệu của người ấy, cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của bao nhiêu việc vừa qua. Ông nghĩ đáng lẽ ông phải đưa kẻ bị nạn về nhà cứu chữa nhưng không hiểu sao người ấy cũng chẳng nói gì và ông cũng không nhắc đến trước khi rõ hết những điều bí ẩn. Cuối cùng, chừng đã qua rồi cái phút mê mẩn của sự hội ngộ với mô đá ấy, người kia ngẩng lên, giương mắt trừng trừng nhìn vào trong đêm rất lâu như ngóng tìm ai rồi buông tay khỏi mô đá, quay về phía ông Cửu Dật, nói bằng một giọng khô khan:

- Hãy ngồi xuống đây, ngồi lại gần đây.

Ông Cửu ngoan ngoãn nghe theo và ngồi xuống lớp gạch vụn, đối diện với người bị nạn. Người này lại nhìn chăm chăm vào ông rồi cất tiếng hỏi:

- Ông đến đây làm gì, vào khoảng giờ này?

Ông Cửu tưởng nghe những tiếng rít lên trong giọng căm hờn từ một cổ họng sắp tắt, nhưng cố giữ vẻ bình tĩnh đáp lại:

- Tôi có việc đi xa, về khuya, tình cờ mà tạt ngang đây để cho ngắn bớt đoạn đường.

Người kia trầm ngâm giây lâu rồi nói:

- Thời vận của người đã đến và thần Xi-Va dun rủi cho người gặp ta vào đúng lúc này. Những gì mà ta ao ước suốt đời, theo đuổi trọn kiếp, bây giờ ta đã gặp rồi nhưng ta lại không thể hưởng.

Ngừng lại để thở, người ấy cố nén một nhọc nói tiếp:

- Ta như nhìn thấy trong đêm bóng gã chèo đò đưa người về cõi âm hồi hải ngục ta... Trước khi lìa đời ta phải kể hết cho người tất cả sự tình. Người là thừa kế của ta, người phải lo liệu cho ta một khoảnh mộ phần, người phải giải oan cho vong hồn ta...

Giọng nói càng ngày càng thu nhỏ lại, nhiều khi như tiếng thì thầm. Ông Cửu ngồi yên, đôi lúc áp tai xuống gần vành miệng người ấy nhưng hai con mắt vẫn dán chặt vào mô đá trước mặt, tưởng như nghe chuyển vọng về từ một cõi nào huyền bí xa xôi...

[1] Kinh đô Indrapura.

Hai

Ta-Khốt và Kha-Lai là hai anh em ruột thịt. Ta-Khốt lớn lên, cha mẹ còn sống, gã được theo học nhiều năm ở trường. Kha-Lai ra đời vài năm thì cha rồi mẹ lần lượt lìa trần. Trước khi nhắm mắt, người cha nhận thấy bản chất Ta-Khốt đam mê, nên gọi con lại bên mình. Bắt chước nhân vật trong một cổ tích Ấn Độ, ông dặn con rằng:

- Con phải quản trị gia tài, nuôi em khôn lớn. Đời sống còn dài, con hãy gắng giữ lấy mình. Có ba điều đáng sợ hơn ma quỷ : một là rượu chè, hai là cờ bạc, ba là phụ nữ. Tránh được cả ba điều ấy thì con có thể cúng lạy thần linh mà không xấu hổ.

Nhưng biết con mình không phải sinh ra để mà duy trì đạo đức, ông bèn nói tiếp theo câu chuyện xưa:

- Nếu liệu không thể giữ mình trước những cám dỗ thì hãy nghe đây : con hãy đánh bạc nhưng đánh thế nào cho trông mắt con hóa đỏ như thể lò than. Con hãy uống rượu nhưng uống thế nào cho đến mê man bất tỉnh. Và đàn bà, con hãy tìm đến với họ, trước khi họ dậy độ một canh gà.

Người cha noi gương cổ tích ý muốn cho con thấy rõ tất cả ý nghĩa chán chường của những thú vui khi đã vào sâu cực độ. Người ta thường bị đam mê là vì không được toại nguyện. Kẻ dối mới phải thêm thường, người no tỏ vẻ lơ đãng. Cờ bạc thức cho đỏ mắt, rượu chè uống cho mê man, còn gì mà nói mê say? Còn người đàn bà, trước khi thức giấc, phấn son lợt lạt, điệu bộ buông tuồng, còn gì mà nói quyến rũ?

Dứt câu cha dạy, Ta-Khốt quyết giữ lời và người cha yên lòng nhắm mắt. Ta-Khốt nuôi em, nhưng khi Kha-Lai đến tuổi đi học, Ta-Khốt bảo rằng:

- Bao nhiêu chữ nghĩa ở trường ta đã học giúp cho mày cả rồi. Bây giờ chỉ có đàn bò ở nhà là không ai giữ.

Và Kha-Lai phải đi giữ bò.

Đến khi Kha-Lai đã lớn, Ta-Khốt cưới cho Kha-Lai một người đàn bà hiền lành trong xóm, chia cho Kha-Lai vài khoảnh ruộng vườn rồi chiếm gia tài. Ta-Khốt bảo rằng:

- Đấng Bà-La dạy chỉ người hiểu biết mới được giữ nhiều của cải. Mà không đi học, không phải là người hiểu biết.

Và Kha-Lai phải chịu cảnh nghèo.

Ban đầu, Ta-Khốt cố theo những lời cha dạy chống lại ba thứ cám dỗ. Nhưng càng chống lại càng phải nghĩ ngợi đến luôn nên thành một mối ám ảnh và hóa mê say. Anh tự nghĩ rằng, đối với thần linh, dù có xấu hổ trong khi cúng lạy cũng chẳng thua thiệt điều gì cho nên cương quyết thực hiện những phần thứ hai của lời cha dạy. Anh bắt đầu đánh bạc cho đến đỏ mắt, bắt đầu uống rượu cho đến mê man, anh lại tìm đến đàn bà trước khi đàn bà thức giấc độ một canh gà. Nhưng khi cặp mắt hết đỏ thì anh hăm hở gỡ gạc và thua càng nhiều. Sau khi cơn mê đã tỉnh thì anh quen mời lại uống càng mạnh. Và người đàn bà, trước khi thức giấc, có vẻ khêu gợi hơn bao giờ. Thành thử Ta-Khốt nghe lời cha dạy bao nhiêu thì càng bệ rạc, cùng túng, cuối cùng như người rối loạn trí não.

Ta-Khốt bỏ nhà ra đi để tránh công nợ và một ngày kia anh ta lại về quê cũ. Bây giờ tóc anh đã bạc và những chủ nợ đã chết hết cả rồi. Những người thừa kế của họ không ai còn nhớ mặt anh và anh nhất định không quen biết họ. Ta-Khốt tìm đến Kha-Lai, ngủ lại một đêm, rồi giữa canh khuya, bên ngọn đèn dầu, bảo với em rằng:

- Anh đã học nhiều, đã biết nhiều lắm. Trong những cổ tháp của ông bà ta để lại, vẫn còn bao nhiêu của quý ẩn tàng. Tổ tiên chúng ta không muốn chúng ta khổ sở. Phải tìm mà hưởng.

Kha-Lai thật thà hỏi lại:

- Thế ra từ trước đến giờ không ai tìm lấy cả sao?

Ta-Khốt trả lời:

- Có chứ. Người ta đã lấy nhiều rồi. Người ta sung sướng vô kể. Anh sẽ đưa em đi xem bao nhiêu ruộng đồng tươi tốt, bao nhiêu nhà cửa cao sang người ta tạo được bằng đồ vàng ngọc tổ tiên chúng ta. Nhưng kho tàng

chưa hết, kho tàng vẫn còn... Tội gì mà em chịu khổ cả đời? Chỉ cần một ít, một nắm tay thôi là em sung sướng trọn kiếp, em chẳng phải làm gì nữa.

Để Kha-Lai thêm tin tưởng, Ta-Khốt với tay lấy cái khăn gói dùng làm chiếc gối, lôi từ trong ra một quyển sách cũ, trình trọng bảo rằng:

- Ngày xưa anh ăn chơi nhiều là vì anh biết tổ tiên chúng mình vẫn còn lưu lại vô vàn châu báu. Anh phải mất đi nhiều năm mới tìm ra quyển sách này ở trong hang sâu do bầy rắn thần canh giữ. Tất cả những điều bí mật thấy đều ghi chép trong đây. Nhìn xem...

Ta-Khốt chìa quyển sách ra dưới ánh đèn dầu. Kha-Lai cúi nhìn với vẻ tò mò ngơ ngác bao nhiêu chấm đen chỉ chút ngòong ngoè và nghĩ đó là bùa chú. Từ bé đến giờ Kha-Lai chưa hề đối diện với chữ một cách quan trọng thế này cho nên không ngăn được lòng cảm động.

Ta-Khốt lật qua lật lại quyển sách rồi ấp lên ngực, lim dim đôi mắt, khẩn cầu. Giây phút trở nên thiêng liêng, khiến cho Kha-Lai kính cẩn cúi đầu.

Vài hôm sau, hai người lên đường. Bao nhiêu của tiền dành dụm, Kha-Lai vét hết đem theo. Đến ngôi tháp nào họ cũng ghé vào tìm kiếm. Ta-Khốt đọc hết các bia, xem hết các tượng, nhưng qua nhiều nơi, Ta-Khốt đều bảo mình đến quá chậm, kho tàng bị lấy từ lâu hoặc vừa lấy xong. Họ lại tiếp tục lên đường, mỗi ngày mỗi thêm một mối. Trong ba mối cảm dỗ lớn của thời trẻ trung, bây giờ Ta-Khốt về già còn giữ được món rượu chè và càng tỏ ra chí hiếu trên phương diện đó cho nên Kha-Lai phải héo cả ruột khi thấy số tiền mỗi ngày càng vội mau đi. Một điều làm cho Kha-Lai ngạc nhiên là không hề thấy người anh giở đến quyển sách thiêng liêng mỗi khi vào tháp. Một hôm ghé vào quán rượu, trong lúc say sưa, Ta-Khốt làm rơi quyển sách ra ngoài. Một khách ngồi gần trông thấy cúi nhặt, chìa cho các người cùng bàn và đồng cười lên. Ta-Khốt giận lắm, giật lấy, rồi sẵn lò bếp bên cạnh đang cháy ngùn ngụt, ném vào. Kha-Lai hoảng hốt muốn kéo lôi ra nhưng thấy thái độ cương quyết của anh đành phải dừng lại.

Khi bước ra đường, Kha-Lai bèn hỏi:

- Tại sao anh lại đốt sách đi?

Ta-Khốt cười đáp:

- Ta thuộc hết rồi. Quyển sách bây giờ đã nằm trong ruột của ta, Giữ nó ích gì, lỡ làm rơi rớt kẻ nào nhặt được sẽ chiếm hết cả kho vàng.

Một chiều cuối thu, họ tìm đến tháp Đồng Dương...

Sau mấy ngày dài tìm kiếm, một hôm Ta-Khốt kêu lên một tiếng vui mừng. Kha-Lai đang ngồi rầu rĩ trên một bậc thềm vội ngẩng đầu lên. Ta-Khốt đang đập hai tay vào nhau để làm tiếng trống, ưỡn ẹo cái thân già nua, gầy gò, nháy nhót quanh một tấm bia xiêu đổ do nhiều mảnh vụn ghép thành. Một lát, Ta-Khốt dừng lại, nghiêm trang nói với Kha-Lai:

- Chúng ta đã thành công rồi. Từ nay, mày sẽ sung sướng cho đến trọn đời. Mày phải nhớ ơn của ta, Kha-Lai. Bao nhiêu công phu học hỏi, tìm kiếm của ta là cũng vì mày. Tiếc quá, ở đây cách xa hàng quán không thì phải uống thật nhiều để mừng cho kết quả này. Hãy nhìn tấm bia mà xem. Nắng mưa sương gió đã làm nát mòn nhiều mảnh, nhưng ta ghép lại vẫn còn đọc được. Ha! Ha! Ta vẫn còn đọc được...

Kha-Lai cúi xuống trên những dòng chữ ngoằn ngoèo lở mờ in trên thớ đá rêu phong, trầy trụa, như từng cúi xuống trên sách đêm nào, với niềm ngơ ngác chứa chan hy vọng.

Ta-Khốt ngồi xuống cạnh bia, đưa mắt nhìn quanh như sợ có người trông thấy, rồi chĩa ngón tay gầy gò điểm trên nét chữ:

- Đây, bia dạy rằng : “Những gì quý nhất để trên chót đỉnh và chôn dưới giếng sâu”. Chót đỉnh không thể leo lên trong lúc ban ngày. Nhưng còn giếng nước... chúng ta cùng đến xem nào.

Hai anh em tìm đến ngôi giếng cổ, còn trơ mấy thành đá vuông sứt mẻ nhiều nơi. Ta-Khốt bảo em:

- Cái vịnh dự được tiếp xúc đầu tiên với kho tàng của tổ tiên giấu dưới đáy sâu, anh nhường cho em.

Rồi giọng Ta-Khốt càng thêm ngọt ngào:

- Tương lai của em ở đây, hãy gắng mà tìm. Mò sâu dưới đáy, nhớ nhé.

Kha-Lai ngoan ngoãn vâng lời, trút lớp quần áo. Từ nhỏ sống với trâu bò, quen nghề bơi lội mò cua bắt cá, Kha-Lai không hề biết sợ những vực nước sâu. Nhưng khi nhúng mình xuống mặt giếng lạnh chùng quanh đủ thứ rêu dài tua tủa đâm ra như muôn ngàn răn độc và lúc lộn người trong

nước thấy trước mặt mình chỉ một màu đen dày đặc, Kha-Lai bỗng nhiên khiếp sợ lạ lùng. Nhưng nghĩ đến bao nhiêu vàng ngọc ở trong đất bùn dưới đáy, Kha-Lai quấy mạnh, nhồi người trở xuống...

Ta-Khốt ngồi trên thành giếng, đăm đăm chờ đợi, Từng tăm bọt sủi, rồi những quãng nước xao động đục ngầu. Cuối cùng, Kha-Lai ngoi lên, nghếch khuôn mặt tái mét để thở.

Ta-Khốt cúi thông người xuống hỏi vội:

- Thế nào?

Kha-Lai hớn hên trả lời:

- Không thấy gì hết!

- Không thấy gì hết? Kho vàng còn chôn dưới đáy. Hãy cố moi tìm. Chịu khó đi nghe, không có sự sung sướng nào mà mình không phải nhọc lòng.

Kha-Lai hít một hơi dài rồi nhồi người, lộn xuống.

Rất lâu Ta-Khốt mới thấy Kha-Lai trồi lên, mái đầu còn dính bê bết bùn đen.

- Thế nào? Có thấy gì không?

Kha-Lai không nói tiếng nào, hai tay bám vào một nhánh si già đâm ra từ một vách giếng, để thở. Ta-Khốt hỏi lại:

- Thế nào? Gặp rồi đấy chứ?

Kha-Lai vẫn cúi gục đầu, đáp trong hơi thở dồn dập:

- Không có kho vàng nào hết.

- Chẳng sờ chạm phải vật gì cả sao?

- Chỉ có lá cây bùn mục, bùn đen chất đống lâu đời.

- Vàng ở dưới đấy, vàng dưới bùn đấy. Hãy vục xuống bùn mới lấy được vàng.

Kha-Lai ngẩng đầu, giương mắt lơ dờ dăm dĩa những nước, nói bằng một giọng chán nản:

- Bùn đóng dày lắm không sao xuống nổi. Hãy lấy vàng trên đỉnh tháp cũng đủ quá rồi.

Và anh bám vào thành giếng, cố gắng trèo lên. Nhưng bỗng Ta-Khốt hét to:

- Mà thực là đùa biếng lười, hãy gắng lần nữa xem sao!

Kha-Lai lắc đầu:

- Chịu thôi. Lặn xuống thì phải vùi xác trong bùn.

Đột nhiên Kha-Lai nghe một tiếng cười ghê rợn ở trên đầu mình. Đang hí hục trèo lên, Kha-Lai vội vã ngược nhìn và kinh ngạc thấy cặp mắt người anh đỏ ngầu sắc máu.

Ta-Khốt nói bằng một giọng giận dữ:

- Đồ bất lương! Mày đã tìm thấy kho vàng dưới ấy mà mày nhất định giấu tao! Mày biết là tao không thể lặn xuống đáy giếng và mày còn muốn đoạt luôn cả vàng ở trên đỉnh tháp nữa sao?

Kha-Lai há miệng trong sự ngạc nhiên lẫn kinh hãi và anh chưa kịp trả lời thì Ta-Khốt đã vội rời khỏi miệng giếng. Anh cố hết sức nhoi lên, vừa trườn tay bầu mặt thành đã thấy Ta-Khốt chạy đến với một khúc cây rất lớn và một vẻ mặt đánh ác lạ thường. Vẻ mặt ấy, Kha-Lai chưa hề bắt gặp ở trong đời mình. Hình như tất cả những gì nham hiểm, tàn nhẫn ở trong đáy hồn đều thành sắc diện khiến cho con người có vẻ gớm ghiếc như loài ác quỷ. Kha-Lai chỉ kịp nhìn thấy khúc cây đưa cao và anh bị đánh văng nhào xuống nước. Nhiều lần anh cố trồi lên, trồi lên, nhưng sự đau nhói từ đầu lan khắp cơ thể như sức giày vò cấu xé vô cùng thảm khốc khiến anh buông xuôi... Trong lúc giây giụa tuyệt vọng anh nghe mơ hồ những tiếng dội mạnh liên tiếp, dập dồn, nhận chìm anh xuống một vùng mát lạnh nhầy nhụa.

Ta-Khốt, sau khi bầy tung những lớp gạch đá bờ thành chờ ngày đổ nát xuống lòng giếng thăm để vùi kín xác Kha-Lai, cúi nhìn rất lâu chờ xem em gã còn gằng ngoi lên mặt nước hay không. Đến lúc chắc rằng Kha-Lai đã bị chìm sâu dưới lớp bùn dày và cái bí mật kho tàng ở trên nóc tháp thuộc về sở hữu của mình, Ta-Khốt mới thực yên lòng. Gã chõ miệng xuống giếng, nói như rít lên:

- Kho vàng dưới đây là thuộc phần mày, giữ lấy, Kha-Lai! Ta đã chia xẻ công bằng rồi đó, mày đừng oán hận nổi gì. Trọn kiếp mày sống nghèo nàn, bây giờ về cõi bên kia mày được tha hồ mà hưởng cuộc đời phú quý.

Ba

Giọng của Ta-Khốt nhỏ dần và ông Cửu Dật nghe rõ sương khuya lộp độp rơi xuống lá cành. Vài cánh dơi về chậm chí chóa giành nơi yên nghỉ trên các ngọn cốc đen ngòm. Xa xa trong các xóm thôn khuất vắng tiếng chó mớ hồ văng lại. Dòng sông Ly Ly qua các ghềnh đá, gieo vào lòng đêm một giọng rù rì bất tận, kể lể nỗi niềm tâm sự không nguôi. Ta-Khốt dừng lời, lịm đi trong sự giầy vò cực độ rồi phều phào nói:

- Trọn đời ta đã hy sinh cho thằng Kha-Lai khốn nạn. Ta đã tốn công nuôi nó ăn học, nhưng nó biếng lười chẳng chịu nghe ta. Ta đã giúp nó gây dựng gia đình, nhưng nó bê tha cờ, rượu chẳng quan tâm đến vợ con. Gia tài phần lớn, ta đã nhường chia cho nó, cũng như vàng trong tháp ta đâu chiếm giữ một mình? Nhưng nó là đứa vô lương, chỉ muốn giết ta để đoạt lấy vàng. Thần linh đã hại nó rồi, xui nó ngã xuống giếng sâu, lại cho đá giếng vùi chôn xác nó...

Ông Cửu ngồi yên có vẻ không tin những lời Ta-Khốt. Qua sắc diện, lời nói, cử chỉ của y, ông Cửu liên tưởng đến những con người suốt đời chỉ sống bằng sự liều lĩnh, bằng sự nham hiểm khôn lường.. Cuối cùng ông hỏi:

- Tấm bia chỉ chỗ kho vàng nằm ở nơi nào?

Ta-Khốt lừ mắt nhìn chăm chú vào mặt ông rồi bỗng nhắm mắt lại, giây lâu mới chột mở ra, đưa tay chỉ về một hướng:

- Đó là những mảnh đá nát mà ta đã nhặt dồn lại ở dưới chân thành phía nam... cạnh ngôi tháp nhỏ.

Giọng gã trở nên thống thiết khác thường:

- Ta khát nước lắm... Chịu không được rồi... Cho ta một gáo nước lạnh hay một chén rượu, may ta còn sống thêm được ngày nào...

Câu nói sau cùng làm cho ông Cửu nổi giận. Ông thấy ghê tởm lạ lùng cho kẻ tàn nhẫn mà ông đoán chắc đã giết người em để đoạt lấy vàng. Ông gầm lên:

- Im đi! Mà chỉ có uống máu người mới sống được thôi! Đồ bất nhân!

Và ông nhào đến, ghì lấy cái cổ già nua của gã Ta-Khốt trong hai bàn tay xương xẩu của mình. Ông thấy lão già vùng vẫy yếu ớt và chỉ giây lát đã nằm co quắp ở trên vũng máu. Lúc rời khỏi lớp da cổ lạnh ngắt, những đốt ngón tay ông Cửu như tê dại hẳn và ông tự hỏi sao mình không dùng chiếc dao đem theo để kết thúc cho mau đời tên ác nghiệt? Ông cảm thấy sự bất bình của mình đối với Ta-Khốt có vẻ gấp rút quá sức, đột ngột quá sức, hình như không phải là ông thật sự oán hận một kẻ làm anh tàn nhẫn. Chính cái ý nghĩ Ta-Khốt có thể sống sót khiến ông xử sự quyết liệt, chính những tiếng gà xao xác gáy mau đã thúc giục ông thu xếp vội vàng trước khi mặt trời trở lại.

Ông Cửu khệ nệ bưng cái tảng đá Ta-Khốt ôm ghì lúc nãy đem giấu vào một bụi kín rồi kéo xác chết đi về phía giếng và xô mạnh xuống. Một tiếng vang dội nặng nề làm bắn tung lên vài giọt nước nhỏ trên bàn tay ông. Ông Cửu tự nghĩ đã báo thù giúp người em xấu số và ông đã làm một việc hết sức công bằng. Nhưng để yên lòng hơn nữa, ông tìm khúc cây còn bỏ trên đất và bầy rơi luôn xuống nước mảnh thành còn lại ở trên miệng giếng. Từng đồng gạch lớn ụp xuống, đem sự điêu tàn vùi trong lòng nước sâu đen và ngôi giếng cổ với cái công trình kiến trúc khác lạ bây giờ chỉ còn là lỗ huyết chôn vùi hai kẻ tìm vàng.

Ông Cửu quay lại chỗ cũ lấy đất phủ lên vũng máu rồi đến chỗ giấu tảng đá. Ông phải hết sức mệt nhọc để đưa nó qua mấy bức tường gạch bao bọc quanh tháp và mặc dầu viễn ảnh giàu sang bùng dậy sáng lóa qua cái kho tàng chiếm hữu đột ngột, ông cũng không sao có đủ gân sức để mang một mạch tảng đá về nhà. Lúc đầu cứ độ ba bốn chục bước ông phải dừng lại để thở và sau chỉ một quãng ngắn là ông đã ngồi khụy xuống rất lâu, hơi thở hào hển, mồ hôi tuôn ra đầm đề, mặc dầu sương đêm rơi xuống càng nhiều. Dần dần ông Cửu thấy mình cứ mỗi lúc nghỉ càng ngồi lâu hơn và nếu không thiết tảng đá chôn giấu bao nhiêu vàng ngọc, có lẽ ông không thể

nào gượng đứng dậy được. Đến khi ra gần ven rừng, ông thấy chân trời hừng sáng, tay chân rã rời, cơ thể nhức nhối mệt mỏi lạ lùng. Biết mình khó lòng tránh được cặp mắt tò mò của những lũ trẻ chăn bò hoặc những nông dân dậy sớm quanh vùng, ông bèn cố lê tảng đá giấu kín vào một bụi rậm. Nhưng vừa quay đi, ông Cửu vẫn thấy thắc mắc không yên và ông trở lại chỗ giấu, hì hục, cố khiêng tảng đá đến một nơi khác. Phải ba bốn lần như thế ông Cửu mới đặt nó vào bụi gai mây chẳng chịt mà người đứng ngoài tinh mắt bao nhiêu cũng không biết được. Lúc chui ra khỏi lùm gai và đi được một quãng đường, ông Cửu mới kịp thấy quần áo mình bị rách nhiều chỗ, trên da thịt mình dấu gai sướt máu đen bầm. Ông phải cúi lúi tìm ngõ vắng nhất về nhà, tưởng chừng chung quanh lối đi vẫn có những kẻ theo dõi. Ngọn lửa thối cơm buổi sáng cháy bùng dưới bếp khiến ông ngần ngại. Nhưng cuối cùng thấy ánh hừng đông mỗi lúc càng tỏ rạng mau, ông phải hấp tấp đi vào, lách mình vội vàng qua cánh cửa mạch khép hờ từ lúc ra đi.

May thay, những người trên nhà chưa ai thức giấc. Thay vội quần áo và đem giấu kín một nơi, ông Cửu lên giường nằm ngủ rồi thiếp mê đi rất chóng. Trong giấc ngủ, ông thấy bao nhiêu ác mộng hãi hùng đầy những xác chết, những bàn tay máu, những cái sọ dừa lung lẳng điểm những đôi mắt lõm sâu sáng quắc và những hàm răng trắng nhớn nhe ra, đuổi theo bén gót sau ông. Ông Cửu rú lên, quờ quạng đôi tay trên không như muốn bầu vào một sự cứu đỡ. Đến khi ông bị lay mạnh và hai tay ông ôm chặt lấy một thân người, ông mới choàng tỉnh, ngơ ngác nhìn thấy khuôn mặt hốt hoảng của người vợ già cúi xuống bên mình. Nhớ lại sự việc vừa qua ông Cửu không sao phân biệt được giữa mộng và thực, nhiều khi ông cứ chập chờn nghĩ rằng Ta-Khốt, Kha-Lai và cả kho vàng ở trên đỉnh tháp là những sự việc trong cơn mơ ngủ mà thôi. Chỉ một lát sau, ông Cửu lại thiếp mê đi và lạc vào những giấc mộng lạ lùng quái đản hơn nữa. Thỉnh thoảng xen vào những cảnh rừng rợn, ông Cửu thấy mình trở nên sang trọng, quyền quý như bậc vua chúa với những lụa là, châu ngọc che phủ quanh mình và ông cười lên the thé.

Gần trưa, ông Cửu mới tỉnh dậy được. Bà Cửu đã đặt một chén thuốc cảm trên chiếc ghế gỗ cạnh giường và ngồi im lặng gần đấy canh chừng

giấc ngủ cho ông. Cố gượng ngồi lên, ông Cửu thấy mình vẫn còn ê ẩm toàn thân, hai tay như không tự chủ được nữa. Dần dần trí não trở về thực tại, ông Cửu run run bưng lấy chén thuốc, tự nhủ một ngày gần đây ông sẽ uống toàn những thứ sâm nhung đắt giá để cho tuổi già của ông trở lại tươi nhuận hồi xuân. Những người hầu hạ cho ông sẽ là những nàng tỳ thiếp xinh đẹp hơn cả tranh vẽ chứ không hom hem già nua như người đàn bà đang ngồi trước mặt ông đây, gương cặp mắt yếu lo lắng nhìn ông như sợ ông sẽ đánh rơi chén thuốc xuống giường.

Trong người hơi tỉnh, ông Cửu đã thấy bản khoản những muốn ra ngay ngoài tháp. Ông lo ngại rằng dấu máu ban đêm còn dính trên các cành cây bụi cỏ sẽ dẫn đôi kẻ lạc lối trong rừng tò mò tìm ra chỗ cất tảng đá, hoặc là một kẻ nào hái củi, bứt mây sẽ khám phá được chỗ giấu của ông thì cái tương lai sang giàu sẽ tan biến mất. Ông Cửu khệnh khạng đội nón chống gậy ra đi, mặc dầu bà Cửu nhăn nhó kéo ông trở lại:

- Trời nắng thế này, đau ốm là vậy mà ông đi đâu kia chứ?

Ông Cửu cười gượng, trả lời:

- Đừng hỏi gì cả. Đi có việc cần rồi lại về ngay.

Ông lão đảo bước, không quay nhìn lại dáng điệu của người vợ già ngẩng mặt nhìn theo, lẩn lộn lo âu cùng với kinh ngạc.

Tới rừng, ông Cửu cẩn thận quay nhìn quanh mình, đến khi chắc rằng không có một ai theo dõi, ông mới tiến sâu vào trong, cố tình đi theo nhiều lối quanh co trước khi tìm đến chỗ giấu tảng đá. Giữa bụi gai mây rậm rạp, tảng đá vẫn còn nằm yên, ngoan ngoãn, hiền lành, nhưng có một vẻ cao quý khác thường khiến ông Cửu Dật nhìn mãi không thấy chán mắt. Lâu lắm ông mới trở về chỗ tháp lấy thêm đá gạch, sỏi cát phủ lên một đôi dấu máu quánh đen, khô đặc còn dính rải rác ở trên mặt đất, cẩn thận bẻ những lá cành mà khi kéo lê xác chết, ông đã vô tình để lưu vết máu. Ông ném tất cả lá cành xuống giếng nhưng không dám đứng gần lại cúi nhìn, tưởng như sẽ thấy cặp mắt trợn ngược lồm trong hai lỗ hốc sâu đăm đăm nhìn mình. Xong, ông Cửu tìm đến chân thành phía nam và thấy những mảnh đá nhỏ dồn lại thành một tấm bia khá lớn. Ông Cửu đem những mảnh còn lưu nét chữ nhiều nhất ném luôn xuống giếng, cốt để riêng mình giữ lấy bí mật kho

tàng. Ông lảng vảng trong rừng suốt buổi để ý canh chừng xem có kẻ nào bén mảng lại gần nơi giấu tảng đá hay không. Ông không thấy đói, cũng không thấy khát, quên cả mệt mỏi, hình như từ nơi tảng đá có một sức mạnh kỳ lạ nâng đỡ người ông, ban thêm sức sống cho ông một cách huyền bí lạ thường. Ông vừa thơ thẩn đi lại trong rừng, vừa tìm kế hoạch lấy chất vàng ngọc giấu trong tảng đá. Phá vỡ một khối đá cứng như thế không phải là công việc làm trong một khoảnh khắc, nếu ông đem dụng cụ vào rừng, nửa chừng hì hục có kẻ bắt gặp thì biết làm sao? Gọi sự chú ý của những người ngoài là điều nguy hiểm đối với kho tàng vô giá mà ông làm chủ từ nay. Nếu đem về nhà ông sẽ làm sao phá vỡ tảng đá mà không gọi sự chú ý của vợ con ông. Ông Cửu là người đa nghi, là người dè dặt. Cũng như hầu hết những người đàn ông thời trước, ông Cửu không tin nơi sự kín đáo của những “miệng lưỡi đàn bà”, nên ông không muốn vợ con vì quá hứng chí loan báo kho vàng của ông cho thiên hạ biết để rước lấy những tai họa sau này. Trong số con trai và cả con rể ở gởi trong nhà, bây giờ ông Cửu xem ra không còn tin cậy được ai. Ông tự nhủ thầm : “Chúng nó không chịu khổ sở bao nhiêu tâm lực như mình, chúng không thể hưởng ngang nhiên ngọc vàng như thế. Tuổi trẻ sớm được giàu sang thì chóng hư hỏng vì không hiểu được giá trị của những nỗ lực kiếm tìm. Phải cho chúng hưởng dần dần, từng giọt, từng giọt, để khỏi biến chúng thành lũ phá hoại, vong ân”.

Cuối cùng, ông Cửu quyết định tìm cách đưa tảng đá quý về nhà.

Tối hôm ấy, ông Cửu nằm ngủ sớm, nhưng vẫn trằn trọc không yên, tuy một chừng nào ông đã vững lòng hơn trước. Mỗi lần mở mắt, ông vẫn nhìn thấy vợ ông lảng vảng chung quanh nhìn ông với vẻ lo ngại rõ rệt như lúc ban chiều đã ra ngoài ngõ đợi chờ. Ông nghĩ vợ ông đã quá già nua sinh ra lắm cằn và người đàn bà bao giờ cũng lấy nỗi lo hẹp hòi ở trong lòng mình gán cho thiên hạ. Nhiều lần ông phải gắt gỏng bảo vợ đi nằm, nhưng đến giữa khuya, khi vừa choàng dậy, ông vẫn thấy người đàn bà thấp thoáng nơi cửa. Ông không muốn ai khuấy rộn những sự suy đoán của mình, phá rối những điều mà ông dự định, nên ông ngồi dậy hẩn học nhìn người vợ già rồi nhắm mắt xuống mặt giường quất lớn:

- Hãy để cho tôi yên thân một chút!

Ông ngồi im lặng rất lâu để xem người ta có thực để ông yên thân hay không rồi mới nằm xuống, hơi thấy ngạc nhiên về cái thái độ hùng hổ không giống mọi ngày của mình khi nói với vợ. Trong bữa cơm sáng hôm sau, ông đặt đôi đũa xuống mâm, nói giữa mọi người đông đủ trong nhà một cách vô cùng thành kính:

- Đã lâu nay rồi những khi nằm ngủ ta bị tà ma đuổi theo bắt hoài. Nhưng lúc nguy kịch bao giờ ta cũng thấy một vị thần đầu voi cười chuột đến phù trợ ta, xua đuổi những loài ác quỷ. Ta muốn kiếm một tảng đá thật tốt trong rừng đem về chọn ngày lành tháng tốt thuê người tạc tượng để thờ.

Xế chiều, sau khi vào rừng trở về, ông Cửu gọi người con lớn và bảo:

- Đã kiếm được một tảng đá tốt lắm, ta giấu trong bụi gai mây ngoài rừng. Theo ta khiêng giúp về nhà kéo trời tối mất!

Người con tuy chẳng thiết tha đến chuyện thánh thần phù trợ nhưng không muốn phật lòng cha cho nên yên lặng vâng lời.

Ông Cửu cho đặt tảng đá dưới giường mình nằm và chưa đêm nào ông ngủ ngon lành như thế, vui vẻ như thế, cũng chưa bao giờ ông có những mối khoái cảm lạ lùng đến thế.

Thức dậy, ông bèn tìm cách sắp đặt công việc để cho hôm sau mọi người có thể rời khỏi gia đình. Những người con lớn ra đồng, bà Cửu dẫn cháu về bên quê ngoại. Ông cũng cẩn thận chuẩn bị những đồ dụng cụ cần thiết để phá vỡ xong tảng đá trước khi mọi người trở về.

Đến lúc biết rõ chỉ còn có mình đối diện với những vật quý nằm trong lòng đá, ông Cửu không ngăn được sự hồi hộp. Ông gài ngõ, đóng cửa, vào buồng bắt đầu khai thác kho tàng.

Chất đá rất cứng và ông thầm phục cho cái kỹ thuật cất giấu tài tình của tổ tiên mình. Những giọt mồ hôi rịn chảy toàn thân, trong vùng ánh sáng lơ mơ của gian buồng hẹp, ông Cửu loay hoay, hì hục cố sức bửa đôi tảng đá. Ông đã giáng mũi đục những nhát búa mạnh mà gân sức về già của ông có thể cho phép và phải mở to đôi mắt yếu đuối, cúi nhìn sát xuống bàn tay giữ chặt mũi đục để khỏi đập vào da thịt. Trong phút nỗ lực say mê, ông Cửu không còn nghĩ ngợi gì hết, không còn nghe thấy gì hết, chỉ có hình

ánh chói lòa của những vàng ngọc lấp lánh trước mắt qua lớp sương mờ mờ hôi tuôn xuống mỗi lúc một dày. Một lát, quá đuối, ông Cửu dừng lại, định phải nghỉ ngơi giây phút và uống chén nước giải lao nhưng nỗi lo ngại có người trở về bất chợt khiến ông hấp tấp nắm lấy mũi đục, chiếc búa, tiếp tục công việc. Từng mảnh đá vụn tung tóe rơi ra vương vãi ở trên nền đất và ông hồi hộp nhìn thấy mũi đục đã khoét sâu vào trong đá. Cuối cùng, một nhát búa lớn bổ xuống tảng đá bề đôi, ông Cửu lau vội mồ hôi tuôn xuống cặp mắt, cúi nhìn.

Chỉ là chất đá xám ngắt, phẳng lì.

Ông Cửu cúi xuống, cúi gần thêm nữa cho mũi cọ vào chất đá, bàn tay run rẩy của ông sờ soạng mặt đá một cách tuyệt vọng như sờ vào khuôn mặt người yêu đã biệt cõi đời.

Một lát, ông Cửu ngồi lên tường như trời đất tan tành sụp đổ. Ông lật từng mảnh đá để xem có một kẻ nào đánh tráo, nhưng không, chính đây là tảng đá chạm đêm nào...

Biết đâu những chất ngọc quý còn nằm trong thớ đá này? Ông Cửu cầm vội mũi đục, chiếc búa và ông dồn dập đập phá cho vỡ tan ra. Cuối cùng nửa mảnh vỡ đôi, vỡ tư, nát từng mảnh nhỏ, và chỉ là đá xám ngắt, phẳng lì, lạnh lùng, trơ tráo. Một sự phẫn nộ ghê gớm xâm chiếm tâm hồn, khiến ông Cửu Dật quên cả những sự mệt nhọc chi phối cơ thể, ông bữa tới tấp vào các mảnh đá, giáng xuống quyết liệt nhiều nhát búa lớn để cho hả hê một nỗi tức bực khôn cùng. Ông Cửu trợn mắt, nghiêng răng, co quắp người lại trong sự giận dữ, và cùng với bao nhiêu mảnh vụn bắn ra tung tóe ông thấy hy vọng cuối cùng của đời ông cũng tan nát phũ phàng.

Nhưng, một nhát búa hùng hổ vừa hạ mạnh xuống, ông Cửu bỗng kêu rú lên.

Và ông quăng búa đục, đưa cả hai tay ôm lấy mắt.

Một dòng máu tuôn xối xả nhuộm đỏ khuôn mặt, chảy dài xuống ngực.

Khi người con gái lớn ở ngoài ruộng về thì chỉ còn thấy ông Cửu nằm vật trên lớp đá vụn mê man bất tỉnh, con mắt bên trái đã bị một mảnh đá nhọn ghim sâu.

Ông Cửu kéo lê những năm rầu rĩ về sau với một con mắt còn lại càng ngày càng suy yếu dần.

Vợ con không nghe nhắc tới vị thần phò trợ, không còn thấy ông lang thang suốt buổi ngoài rừng. Ông hay ngồi yên hàng giờ, lơ đãng nhìn vào khoảng không như cố hình dung giấc mơ giàu sang trong sự hồi tưởng, vẻ mặt càng teo tóp thêm, càng buồn bã thêm. Ông vẫn không hiểu vì sao lời bịa đã dặt lại không đúng với sự thực, cuối cùng ông phỏng đoán rằng từ lâu đã có kẻ nào đánh tráo tảng đá trên đỉnh để chiếm kho vàng. Nhưng còn những gì đã chôn giấu dưới đáy giếng kia, chắc là chưa mất. Kho tàng dưới ấy, nếu còn, đã có hai cái thầy ma kia giữ và ông Cửu Dật không còn mong gì tìm đến được nữa. Đôi lúc ông muốn bảo cho con cháu biết rõ để chúng thử gắng tìm kiếm xem sao, nhưng ông ngần ngại phải nói sự thực và không dám chắc con cháu có thể tin lời.

Một hôm, người con trai lớn ông Cửu nhân đi qua rừng, trở về bảo rằng có gặp một người du khách đi vào viếng tháp. Ông Cửu không hề chú ý mấy may đến sự kiện này, nhưng ba hôm sau, người con trai lại bảo vẫn thấy kẻ ấy đang còn sục sạo kiếm tìm trong tháp. Tự nhiên nổi lòng thèm muốn từ xưa tưởng đã nguội lạnh bỗng chợt lóe sáng và ông Cửu Dật chống gậy khập khểnh đi vội ra rừng.

Lúc ấy trời đã gần trưa, ánh nắng xuyên qua lá cành rọi xuống lưạ thưa trên các lối đi như những giọt vàng lấm tấm. Ông Cửu vừa lê bước chân mệt mỏi trên lớp lá khô vừa nghĩ đến những ngày xưa, khi còn trai trẻ, ông đã đi lại bao nhiêu lần rồi trên quãng đường này và gần như chưa bao giờ ông nghe được tiếng chim hót, thấy sắc lá xanh, hay màu hoa nở. Bây giờ tai ông đã gần câm lặng, mắt ông đã gần điếc mờ, chân ông lại đi trên những lối cũ mà óc nhớ về ánh trăng nhợt nhạt và dòng máu chảy đêm nào... Ông biết mình không hoàn toàn yên lòng chờ ngày nhắm mắt nếu chưa rõ được châu báu ngọc vàng chôn vùi đáy giếng ra sao, nếu chưa an lòng về một nghi vấn nhiều năm ám ảnh tâm hồn.

Ông vào trong tháp và thấy một người đứng tuổi, ăn vận y phục màu tro, nằm dài ở cửa ngôi tháp lớn trên một mặt đá đã quét sạch sẽ. Người ấy xếp hai tay lại để vòng dưới đầu và mắt lim dim chăm chăm nhìn lên đỉnh tháp

khoét trống thấy khoảng trời xa. Ông Cửu đến sát gần bên mà người kia vẫn yên lặng như bị thu hút trong một sự suy tưởng hết sức thâm trầm. đến lúc ông Cửu thấy mỏi, ngồi xuống gần bên thì kẻ ấy mới rời mắt khỏi đỉnh tháp để quay nhìn ông, không lộ vẻ gì đổi khác, và ngồi ngay dậy với một cử chỉ chào hỏi nhã nhặn:

- Thưa cụ chắc là cụ ở vùng này?

Ông Cửu tự giới thiệu tên họ, nói rõ chỗ ở, rồi hỏi lại khách:

- Tôi nghe ông đến xem tháp đã mấy ngày rồi mà hình như vẫn tìm kiếm chưa xong nên mới ra thăm. Đã được gì chưa?

Người kia gật gù trả lời:

- Cũng được khá nhiều cụ ạ.

Ông Cửu cố mở con mắt độc nhất trợn trừng nhìn người đối diện, hỏi rất vội vàng:

- Thế à? Tìm ở đâu thế?

Người kia đưa tay phác họa một nét vòng quanh chỗ ngồi:

- Ở khắp quanh đây.

Ông Cửu làm thỉnh soi mói nhìn khách bằng một dáng điệu ngờ vực. Ông đoán là khách giấu mình vì biết lời lờ. Nhưng không nén được tò mò, ông hỏi:

- Ngọc hay là vàng?

Người kia có vẻ ngơ ngác:

- Cụ nói gì đấy?

- Tôi hỏi cho biết vậy thôi, để mừng cho ông. Tìm ra vàng ngọc ở đây đâu phải là chuyện dễ dàng.

Người khách lắc đầu:

- Không, không, tôi không hề nghĩ đến chuyện tìm vàng ngọc.

- Thế ông tìm những thứ gì?

Người khách mỉm một nụ cười khiêm tốn, trả lời:

- Tìm những sự thực về ngôi tháp này, về cái công trình kiến trúc, về cái đặc tính nghệ thuật và cái đời sống tinh thần cũng như vật chất của người dân Chăm qua những...

Nhưng khách dừng lại khi nhìn vẻ mặt của ông Cửu Dật. Hai người lặng thinh có vẻ lúng túng như vừa nhận biết là họ không hề gặp nhau bao giờ trong sự đối diện. Một lát, ông Cửu mới nói ngập ngừng:

- Nhưng nếu gặp phải kho tàng có thể khai thác, ông đủ phương tiện hay không?

Người kia trả lời:

- Chúng tôi đủ sức khai quật những di tích xưa, nếu xét thấy cần. Tôi ở trong ban khảo cổ...

-Ồ! Thật là quý hóa không biết chừng nào!

Và ông Cửu sán lại gần bên người khách, con mắt yếu đuối độc nhất vụt sáng một cách khác thường.

Khi ông Cửu kể xong sự tích tấm bia và những dòng chữ ghi lại chỗ giấu kho tàng thì khách vội hỏi:

- Tấm bia đâu rồi?

Ông Cửu mỉm một nụ cười bí mật, trả lời:

- Đâu dám để lại cho người ta thấy. Nhưng mà tôi biết chắc chắn lắm đó. Rồi ông sẽ xem, có cả hai bộ xương người giữ cửa ở trong đáy giếng nữa kia!

Người khách trầm ngâm giây lâu, ra dáng nghĩ ngợi xa xôi. Một lát, mới nói một giọng chậm rãi, nhưng nghe thoáng đượm vẻ buồn:

- Có lẽ tôi hiểu được rồi.

Ông Cửu nắm tay người khách giật lại:

- Ông hiểu rồi sao? Không! Không! Tôi bảo cho ông đấy chứ? Chẳng phải tôi vừa mới bảo cho ông đấy sao? Chỉ tôi mới biết, chỉ có mình tôi...

Ông Cửu tưởng như có thể uất nghẹn không nói ra lời. Nhưng khách ôn tồn:

- Cụ đừng thắc mắc. Nhà cụ có gần đây không? Chúng ta tìm một bát nước chè tươi và hãy nói chuyện dông dài...

Bốn

Nàng Phô-Mai ở với mẹ già trong một xóm thôn hẻo lánh, xa cách kinh đô chừng bốn dặm đường. Năm mười lăm tuổi, nàng mới biết nhìn khá lâu bóng mình dưới nước rồi bỗng thẹn thùng quay đi, kéo tóc rủ xuống vành môi để giấu nụ cười. Một hôm, đi mua lá dâu trong núi trở về, nàng theo tìm hoa bông biếc ở dọc chân đồi để về ướp xôi và lạc đến một vườn cây vắng vẻ có một ngôi nhà cô độc bốn bề cửa ngõ mở tung như đón chờ ai.

Phô-Mai đứng ở đầu sân lễ phép gọi người trong nhà để xin nước uống. Ba lần, tiếng gọi của nàng chỉ có khoảng không dội lại. Đã toan quay đi, chẳng rõ vì đâu nàng lại quay vào. Thoáng nhìn bên trong, nàng thấy có những sắc màu lấp lánh, xôn xao bóng dáng nhiều người nín lặng ven tường. Phô-Mai tưởng mình lạc vào thế giới hoang đường của chuyện cổ tích có những yêu ma dựng cảnh bên đường để chọc ghẹo người. Nhưng không, la liệt quanh nàng là những bức tranh linh động và những lọ mực, nghiên son, giá bút, bình hoa. Phô-Mai nhìn không chán mắt sự sống phong phú phơi bày trong một quang cảnh nghèo nàn. Hình như trong ngôi nhà tranh đơn giản đã tụ hội lại bao nhiêu con người, bao nhiêu cảnh sắc, nào voi nào ngựa ở chốn kinh kỳ, nào chim nào cỏ ở miền hoang dã. Có những vị tướng hiên ngang vung kiếm ngoài chốn chiến trường, có cô thôn nữ hiền lành – như nàng Phô-Mai – hái dâu bên suối khi ánh vàng đông vừa mọc.

Giữa phút nàng đang ngơ ngẩn thì có tiếng động bên ngoài.

Chủ nhân đã về.

Phô-Mai luống cuống không dám ngược nhìn, ấp úng một lời xin lỗi vì sự đường đột của mình. Nhưng vắng bên tai, nàng nghe một giọng ôn tồn:

- Cầu mong có những lầm lỗi của nàng để ngôi nhà này thêm một niềm vui mới mẻ. Tưởng nàng là người trong tranh do một phép lạ hiện xuống

côi trần nhưng may mắn thay, nàng chính là người sống thực. Cứ nghĩ trọn đời tranh vẽ của ta phải đem cho hạng quyền quý ở chốn kinh thành thưởng thức bằng những cái nhìn nửa mắt để mua cơm áo hàng ngày nuôi lấy sự sống nghèo nàn, ai ngờ còn có một người... Xin nàng cứ tự nhiên ngồi xuống tấm chiếu này, xin nàng cứ nói những điều nàng nghĩ. Ở đây chỉ có mỗi một mình nàng thay mặt cuộc đời, còn ta đã thuộc về phần tranh vẽ.

Phô-Mai không dám ngồi xuống tấm chiếu, cũng không dám nói những điều nàng nghĩ. Đôi má ửng đỏ như màu dâu chín, nàng nghiêng tai đón lấy những lời chuyển về từ một cuộc sống xa lạ với nàng. Nhưng nàng cảm thấy niềm vui rất nhẹ, một nỗi an ủi mơ hồ, ít nhiều băn khoăn mà nàng không sao hiểu được căn nguyên. Nàng đứng nhìn xuống mấy ngón chân mình ép trong quai dép da trâu sờn mòn và muốn thoát khỏi rất mau một nơi mà nàng bắt đầu nhận thấy có sự âm thầm lưu luyến.

Giây lâu, nàng nghe giọng nói chậm rãi càng đến gần nàng:

- Tôi lại có lỗi với nàng vì nói những lời đường đột. Cỏ non đầu xuân không thể chịu được gió Bắc trái mùa. Đã lâu, sau cơn địa chấn gieo nhiều tang tóc cho nước Chiêm Thành yêu dấu thì không bóng người lui tới vùng này. Ngày nay, nàng lại đến đây, phải chăng là để báo hiệu cho cơn địa chấn thứ hai. Mong rằng dù cho rung chuyển đất trời, hãy để mình ta chịu thiệt còn nàng thì nên sống mãi để nuôi mẹ già.

Bấy giờ, Phô-Mai mới ngẩng đầu lên và nàng nhìn thấy rõ người đứng trước mặt nàng. Những gì bình dị mà kiêu hãnh, mãnh liệt và xót xa như trộn vào nhau để tạo nên chàng. Và nàng bèn hỏi:

- Sao biết được tôi còn có mẹ già?

Chàng mỉm nụ cười dè dặt, đáp bằng giọng nói ôn tồn quen thuộc của chàng:

- Nếu đoán không lầm, có lẽ nàng ở thôn Đông cách đây năm sáu dặm đường. Nhà nàng bên ngôi giếng đá, có khóm ngọc lan rủ bóng bên sân. Ta đã gặp nàng khá lâu, khi nàng còn nhỏ nô đùa bên giếng với hoa ngọc lan gài trên mái tóc buông dài. Nàng đừng ngạc nhiên gì hết, ta quen nhìn ngắm mặt người thế thôi. Chắc ta có thể ngồi đây hồi tưởng để ghi lại trên màu giấy bao nhiêu khuôn mặt, dáng người đặc biệt ở khắp vùng này. Đó là

thói quen nghề nghiệp như nàng quen nhớ lúa tằm và những màu dâu. Ban đầu, chưa nhận ra nàng, vì tuổi thanh xuân đã biến đổi nàng nhiều quá nhưng trong giây lát ta thấy cô gái ngày xưa thấp thoáng trong nàng. Những cô thiếu nữ đều lớn vội vàng và đuổi kịp những đàn ông lớp trước. Chắc rằng bao nhiêu bạn trai nô đùa bên giếng với nàng thuở ấy ngày nay đã đứng rất xa để ngắm nhìn nàng hoặc đang còn kết những lá bồ đề làm mào để đuổi bắt nhau trong mây nương dâu.

Phô-Mai chớp mắt và nhoẻn miệng cười:

- Tôi không biết nói những gì vì ông đã nói hết rồi. Trời xế rồi kìa, tôi phải đi về kéo mẹ chờ mong.

Chàng trông ra ngoài rồi bảo:

- Trời vừa nghiêng bóng về non nhưng tại cây vườn khuất nắng cho nên đáng xế tiêu điều. Dầu sao, đường vắng, nhà xa, nàng phải vội về kéo muộn.

Bỗng chàng nhìn xuống đôi bàn chân nhỏ của nàng rồi nói:

- Hãy khoan, quai dép của nàng có chiếc sòn mòn sắp đứt, để ta khâu lại cho nàng. Sỏi đá dọc đường khúc khuỷu không hề thương đến chân ai.

Nàng muốn đón lấy kim chỉ ở trong tay chàng nhưng chàng yên lặng, lắc đầu, cúi xuống trên chiếc dép da đã mòn mòn rồi. Phô-Mai luống cuống tháo dép vội vàng đưa đến tay chàng. Hình như bàn tay của chàng có đủ khéo léo để làm bất cứ việc gì và nàng Phô-Mai chỉ biết ngồi im, rưng rưng cảm động trong lòng.

Khi đưa tiễn nàng ra một quãng xa và chỉ còn đường gần nhất cho nàng về nhà, chàng nói:

- Mong cho lúa tằm của nàng chóng lớn để nàng sớm đi vào núi tìm dâu. Nhưng khi nắng ngả về trưa, có dịp mỏi chân, nàng chớ quên ngôi nhà cũ.



Sau đấy, trong chuyến tìm dâu, Phô-Mai trở lại con đường tìm hoa bông biếc hôm nào. Nàng mong chóng đến nhà chàng nhưng khi thoáng thấy ngôi vườn quen biết nàng lại rẽ theo lối khác. Khi nhìn trở lại đã khuất xa rồi, lòng nàng trở nên buồn bã và nàng ngồi xuống mô đá ven đường, mình giận cho mình không biết bao nhiêu. Chuyến sau, Phô-Mai lại nhớ màu hoa

bông biếc ven đồi. Vừa thấy ngôi vườn, nàng toan rẽ theo lối khác – để mà giận mình thêm nữa, về sau – nhưng thoáng thấy chàng thơ thần đợi chờ, tim nàng rộn rã niềm vui khó tả. Chuyển viếng thăm này, Phô-Mai nói chuyện nhiều hơn lần trước, và lần sau đây, Phô-Mai càng nói nhiều hơn, cho đến một lúc A-Doan, người họa sĩ kia, nhận thấy giọng nàng hay hơn bất cứ một thứ âm nhạc nào trên cõi trần gian.

Nàng đến kể lại cho chàng nghe chuyện của nàng thuở nhỏ, nói đến mẹ nàng già yếu và điều mơ ước của nàng. Nàng vừa pha mực, mài son, nàng vừa kể lể, y như tiếng chim riu rít đón mùa xuân đẹp trở về. Nhiều lần chàng ngừng tay vẽ, bảo nàng:

- Giọng nàng êm dịu làm sao, tưởng như suối mật lưng trời tuôn xuống từng dòng bất tận. Tiếng hát là sự cố gắng công phu không sao gọi niềm xúc động thâm trầm bằng lời ngọt ngào tự nhiên của người yêu dấu.

Và như tất cả những người nghệ sĩ chân chính trên cõi đời này, chàng vẫn cảm thấy xót xa cho sự bất lực của phương tiện mình diễn đạt trong khi khao khát vô biên:

- Tiếc thay, tiếng nói là sắc diện tinh thần của mỗi con người, ta không có tài về nhạc để ghi giữ lại lời nàng.

Nàng bảo:

- Chàng ghi giữ lại làm gì? Em còn gần được bên chàng thì không có cơn gió nào thổi tắt được lời em nói.

Lòng chàng cảm thấy niềm vui tràn ngập. Chàng tìm lại nỗi tự hào rơi lạc của mình:

- Bàn tay của ta không ngừng tạo tác và ta nhờ nàng mà thêm những mối nhiệt tình. Những lời nàng nói thấm vào da thịt của ta chuyển ra nét bút nhiều màu phơi bày sức sống cho đến vô biên. Trong các công trình mà ta thành đạt có nàng chung sức góp phần. Chúng ta vẽ niềm hy vọng, vẽ lòng thương yêu, và đời hạnh phúc, và cảnh thái hòa, ta phải ghi cho đậm nét đẹp màu.

Hai người ngồi tựa bên nhau, cảm thấy ngày mai tươi tốt, sáng ngời. Nàng ngược đôi mắt long lanh âu yếm hỏi chàng:

- Bao giờ chúng ta mới sống bên nhau mãi mãi?

Và chàng trả lời, áp tay lên má của nàng:

- Một thời gian nữa, khi những bức tranh mà ta phác họa với nàng đã được hoàn thành.

Nhưng một sớm kia, bụi mờ bốc lên ngoài cõi biên thù. Vó ngựa quân thù ồ ạt xéo dày đồng lúa tươi xanh. Người dân Chiêm Thành vội vàng xếp bộ lễ phục dài tay quen dùng nơi chốn đền đài để choàng nhung y ra ngoài trận mạc.

A-Doan tìm về thôn Đông, khi ánh mặt trời sắp tắt. Nàng thấy mặt chàng tái nhợt hẳn đi nhưng vành môi chàng mím lại. Chàng bảo với nàng:

- Ngày mai ta đã đi rồi. Chúc nàng bình yên để lo nghĩ đến mẹ già trong ngày xế bóng.

Nàng cố nén lòng, nhưng suối nước mắt tuôn tràn trên má. Giây lâu nàng mới ngáp ngừng:

- Tại sao chàng quá vội vàng?

Chàng đáp:

- Đã trễ lắm rồi. Đáng lẽ phải đi từ lâu nhưng ta nghĩ ngợi đến nàng và ta trì hoãn. Bây giờ ta thấy rằng ta không xứng với nàng nếu ta cứ sống lẩn lút như loài sâu bọ.

Nàng gượng nói lên một câu cản trở cuối cùng:

- Nhưng chàng phải giữ tài hoa của nét bút chàng. Chiến đấu là phần kẻ khác.

Chàng vội lắc đầu:

- Quân thù tàn bạo không hề biết đến tài hoa. Chiến địa là chỗ đứng chung của mọi người yêu nước. Thêm nữa, tài hoa của ta chỉ là màu lan thanh quý ủ hương trong xó đền đài nếu không thấm nhuần đau khổ lớn lao trăm họ, nếu không chia sẻ hy sinh bừng dậy muôn dân. Ta muốn nét vẽ của ta thuộc về đông đảo cuộc đời và mang sức mạnh giống nòi bất khuất. Ta đi chiến đấu là để bảo toàn nét vẽ của ta. Nàng cứ yên lòng chờ đợi. Bao giờ ta cũng tưởng nhớ đến nàng, cũng thấy nàng trong giấc ngủ.

Mặt trời lặn xuống, xóa nhòa hình ảnh A-Doan sau rặng cây đồi. Phô-Mai nhìn theo đến khi bóng tối tràn lan và lớp sương đêm thấm lạnh áo nàng.

Những ngày chờ đợi, Phô-Mai thỉnh thoảng tìm đến vườn xưa. Đĩa mực nghiên son, vẫn còn tươi thắm ý tình ngày cũ. Nhưng mấy tranh vẽ dở dang, với những con người chưa được hoàn tất, chim muông chưa được điểm tô, cây cỏ chưa được sửa đổi bày ra ở trước mắt nàng hình ảnh của sự điêu tàn, đổ vỡ, của những tang tóc đau thương.

Và mỗi ngày qua, gió bụi tanh mùi tử khí băng qua làng mạc ruộng đồng. Bờ tre, hốc núi, xao xác vó ngựa quân thù tàn bạo. Khói lửa loạn ly ngàn ngút dâng cao, như bốc căm hờn lên thấu chín từng xanh thắm.

Rồi lửa tàn, gió lặng, những lớp bụi mờ lần lượt tan mau. Thái bình nhợt nhạt phục hồi và trên các nẻo đường về thất thiếu bóng người trở lại.

A-Doan về đến vườn xưa mà bao công trình dang dở đợi chờ.

Nhưng cánh tay tài hoa, chàng đã gởi lại chiến trường.

Và người họa sĩ cụt tay, một sớm, tìm về cô gái thôn Đông.

Đến nơi, chỉ là tro than mấy đống, vườn cây xơ xác tiêu điều. Riêng khóm ngọc lan vẫn nở lớp hoa cuối mùa thơm ngát một vùng tàn phá.

Chàng đứng tần ngần, đau nhói tim gan, thấy cả đất trời mờ tối.

Bỗng nàng Phô-Mai từ một túp lều rách nát, hiện ra.

Chàng muốn chạy lại phía nàng, ôm chặt lấy nàng. Nhưng sức nhớ mình tàn tật, chàng đứng lặng yên, chua xót ngậm ngùi.

Và nàng tiến lại trước chàng, những muốn kêu lên mừng rỡ. Nhưng nàng không sao thốt được lời nào.

Phô-Mai đã mất tiếng nói, đã hóa thành câm, từ khi uất hận ghen ngào trước cảnh quân thù hành hạ người mẹ già nua đến chết mà nàng phải đành bất lực.

Cánh tay tài hoa mà nàng yêu quý ngày xưa, giọng nói êm đềm mà chàng cảm mến thuở nào, chiến tranh đã cướp mất rồi.

Hai kẻ tật nguyên nhìn nhau giây lâu cùng cúi gục đầu để che những giọt nước mắt đau thương.

Cuối cùng A-Doan ngẩng lên, và bằng giọng nói ôn tồn quen thuộc, chàng bảo với nàng:

- Ta sẽ hoàn thành tất cả công trình dang dở đang đợi chờ ta bằng cánh tay còn sót lại. Chiến tranh không sao thắng nổi sức người, ta sẽ luyện lấy

tay ta và đổi nghề ta thành nghề xây dựng sau những điều tàn. Nàng chớ buồn phiền, Phô-Mai yêu dấu của ta. Nàng dù đã mất tiếng nói ngọt ngào thuở trước, nhưng ánh mắt nàng còn đấy, và tấm lòng nàng còn đấy, chúng ta không thể xa nhau.

Nhưng trước sự im lặng của người đàn bà, A-Doan lại nhớ cánh tay đã mất và người họa sĩ kiêu hãnh tưởng gặp nỗi lòng lạnh nhạt. Và trước lời an ủi của người đàn ông, Phô-Mai nghĩ đến giọng nói ngọt ngào đã mất và nàng tưởng nghe một sự xót xa. Mỗi người tưởng rằng họ chỉ gặp gỡ được lòng thương hại và họ không sao tìm lại tình yêu.

Do đó, gần nhau mà vẫn xa nhau, tấm lòng tự ái như một chất phèn làm cho tê dại chồi cây ái tình vườn mọc.



Một hôm, nhà vua Sạ-Khả tuần du quanh vùng ngoại thành để xem những nơi đã bị tàn phá trong cuộc đao binh.

Kiếp rồng kéo qua thôn Đông, vua thấy một nàng thiếu nữ xinh đẹp bên đường.

Vua truyền dừng lại hỏi thăm nhưng nàng không trả lời được lời nào. Môi nàng duyên dáng mấp máy nghẹn ngào, mắt nàng trong xanh sáng ngời lấp lánh, và đôi má nàng chín đỏ như quả hồng đào khi thấy nhà vua dăm dăm nhìn mình.

Cho hỏi sự tình, biết cảnh ngộ nàng, nhà vua hết sức xúc động, truyền đem lụa là tiền bạc cho nàng.

Khi vua đi rồi, nàng đem những thứ vua cho tìm đến A-Doan.

Chàng đang vẽ bằng tay trái của mình, đôi mày nhíu lại làm cho vùng trán ưu tư thêm những vết nhăn sáng tỏ những giọt mồ hôi lấm tấm.

Nàng đặt lên trên lòng chàng tiền bạc, lụa là rồi nàng cầm lấy cây bút của chàng vẽ lên giấy, mấp máy đôi môi mà nói cùng chàng.

Cúi nhìn tặng vật, A-Doan chột hiếu. Và chàng đưa cái bàn tay độc nhất còn lại ném tung tặng vật ra trước mặt nàng. Vùng trán ngẩng cao, cặp môi cong lại theo cùng cặp mắt quắc lên, chàng nói bằng giọng hằn học khác thường:

- Ta đã ra ngoài chiến địa cho nên biết rõ quá nhiều sự thực. Chết cho giống nòi được sống tự do thực là đẹp đẽ nhưng chết để bọn quyền quý thêm sự cao sang, thực là tủi nhục muôn phần. Lựa là, tiền bạc nhà vua ban phát cho nàng là vì sắc đẹp của nàng hay vì tiếng nói của nàng đã tắt? Bao cảnh đói khổ, điều linh nhân nhân trước mắt chắc không có chút bù đắp! Ta không muốn được an ủi cánh tay đã mất bằng những lựa là, tiền bạc vốn là xương máu muôn dân.

Nhưng thấy mắt người thiếu nữ long lanh giọt lệ, chàng không đành được ghen ngào:

- Ta thực có lỗi với nàng, xin nàng lượng thứ. Nhưng nàng đừng bắt lòng ta phải tự khinh ta bằng những vật này.

Rồi chàng nhặt hết lựa là, tiền bạc, đặt lên tay nàng, âu yếm sửa lại vành tóc cho nàng.



Nhà vua, sau lần gặp gỡ Phô-Mai trở về, nửa đêm gặp nàng ở trong giấc ngủ. Tỉnh dậy, vua quá ngạc nhiên khi thấy lòng mình bỗng nhiên thương nhớ một người con gái nghèo nàn, mắc phải tật nguyên. Mấy ngày hôm sau, thỉnh thoảng nhà vua vẫn thấy hình ảnh của nàng như một cánh bướm nhẹ nhàng bay vào trong vườn hoa cỏ tâm tư rồi khuất chìm trong gió bụi của luồng kỷ niệm chập chờn.

Một sáng, nhà vua về lại thôn Đông. Bảo toán lính hầu chực ở đầu thôn, nhà vua một mình lội qua mấy cánh vườn hoang.

Phô-Mai, đang ngồi dệt vải dưới gốc ngọc lan chợt thấy bóng vị quân vương, vội vã quì xuống dưới nền đất cũ còn lưu dấu vết điêu tàn.

Nhà vua mỉm cười, ra lệnh cho nàng đứng dậy.

Rồi vua bảo nàng:

- Hãy nhìn ta đây và đừng sợ hãi nỗi gì. Ta muốn thay khung cử dệt của nàng bằng chiếc giường hoa thơm ngát xạ hương, đổi chiếc lều tranh rách nát của nàng bằng một lầu đài giát ngọc, xóa tan cô độc của nàng bằng những niềm vui ở chốn kinh thành. Hãy đi theo ta.

Nhưng người thôn nữ cúi mặt, lắc đầu. Nhà vua chưa hề gặp người đàn bà từ chối trong đời, lấy làm phật ý. Nhà vua quắc mắt bảo nàng:

- Ta không muốn đem mệnh lệnh để khiến sai nàng. Hãy nghe lời ta về chốn lầu son gác tía đang đợi chờ nàng.

Nhưng nàng vẫn cứ cúi mặt, lắc đầu.

Và dòng nước mắt long lanh tuôn dài trên má.

Nhà vua, biết không thể nói cho nàng đổi ý, nhưng trước một vẻ nghèo nàn cô độc, yếu đuối, lặng câm, đành phải giận dỗi quay đi.

Trên bước đường về, nhà vua thấy nỗi băn khoăn xâm chiếm tâm hồn.

Rồi trong giấc ngủ, nhà vua lại gặp gỡ nàng. Sắc đẹp của nàng không phải che bằng son phấn như lớp phi tần chỉ có bề ngoài mỹ lệ, sắc đẹp của nàng là những hương sắc thiên nhiên tươi tốt giữa sự đói nghèo và giữa chiến tranh. Tâm hồn của nàng không phải nhuộm dệt bằng lời hoa gấm như lớp phi tần hàng ngày đồng thanh những lời tán tụng, tôn xưng nhất loạt như nhau, tâm hồn của nàng là sự lặng yên, là ý chân thành, tựa chất ngọc quý không cần trau chuốt.

Một sáng, nhà vua lại đến tìm nàng.

Nhưng nàng chỉ biết lắc đầu.

Phô-Mai càng chối từ vua, nhà vua càng quyến luyến nàng. Tâm hồn kiêu hãnh chỉ chuộng tình ái khó khăn, nhà vua nhất quyết không thể rời nàng.

- Hỡi nàng Phô-Mai, ta đặt tên nàng lên trên tính danh của đám phi tần. Vừa ý nàng chăng?

Phô-Mai chỉ biết lắc đầu.

- Ta đem châu báu trăm muôn của chốn kho tàng vương giả trao tặng cho nàng. Vừa ý nàng chăng?

Phô-Mai chỉ biết lắc đầu.

- Và cả ta đây, bách tính tôn thờ, vọi vọi trên ngôi cửu ngũ, quyền uy trải khắp san hà, ta đem đời ta giao trọn cho nàng, vừa ý nàng chăng?

Phô-Mai lặng thinh, cúi thấp mái đầu.

Nhà vua thấy lòng xúc động, tiến đến bên nàng.

Nhưng nàng ngẩng lên, giương đôi mắt biếc lạnh lùng nhìn vua và nàng lắc đầu.

Nhà vua nén giận, kêu lên:

- Nàng muốn những gì?

Nàng chỉ khung dệt, chỉ bóng ngọc lan, chỉ tấm lều tranh rách nát và chỉ vào nơi lồng ngực của nàng. Nơi đây, nàng đã mang sâu hình ảnh A-Doan.

Nhà vua không còn tự chủ, tiến lên, muốn giữ lấy nàng vĩnh viễn trong cánh tay mình. Nhưng nàng đã vội lùi lại, nhanh tay ngắt lấy một cành ngọc lan đặt trước mặt mình, rồi nàng quì xuống.

Nhà vua dừng bước, không dám dẫm lên trên cành ngọc lan.

Vì hoa ngọc lan tượng trưng linh hồn tổ quốc Chiêm Thành.

Vua bỗng thấy nàng đưa vạt áo cũ rách sờn lau dòng nước mắt chan hòa. Nước mắt như niềm oán trách, như nỗi phẫn trần, như một lời than thống thiết.

Cuối cùng, vua bảo với nàng:

- Thôi đi, ta xin trả lại sự sống bình thường, giản dị cho nàng. Dù nàng không muốn chung sống cùng ta nhưng nàng chính thực là người đàn bà mà ta khao khát trong đời. Sắc đẹp của nàng không cần phỉnh phờ bằng vẻ phấn son, và sự cam lặng của nàng phong phú bao nhiêu tình ý. Ta đã gần nhiều phi tần trang điểm công phu, ta tưởng say mê những con người giả. Ta đã nghe lời phi tần kể lẽ yêu đương và ta chán ngán những trò dối trá. Phỉnh lừa, dối trá, đó là bản chất của sự cao sang mãi mãi giam hãm ta đó. Ta không đến được với nàng vì nàng nhìn quen sự thực và nàng khiếp sợ bao nhiêu sự thực nơi ta. Nhưng dù không được ôm nàng ở giữa vòng tay trói chặt, hồn ta mãi mãi bên nàng.

Về đến kinh thành, nhà vua ra lệnh cho tìm một nhà kiến trúc tài hoa. Nhiều người tiến cử A-Doan đến trước bộ rồng.

Nhà vua truyền lệnh:

- Trên những điêu tàn đổ vỡ của chốn kinh thành sau nạn đau binh, ta muốn xây hai ngôi tháp, một ngôi tháp nhỏ nương kê một ngôi tháp lớn. Trên đầu ta có niềm tin, nơi lòng ta có tình yêu. Hai tháp thờ phụng thần linh, che chở cho ta và nói những gì mà ta khát vọng trọn đời. Ta muốn bảo vệ tình yêu, nhưng trong điều kiện của ta, tình yêu không bảo vệ được. Người hãy vì ta xây dựng nên những công trình toàn hảo nói lên cho được sự bảo vệ này. Không thể tìm thấy ngoài đời, ít nhất cũng tìm thấy trong

nghệ thuật. Ta cho người đủ phương tiện dưới tay và gấp hoàn thành trước khi ta về, sau chuyến tuần du.

A-Doan cúi đầu tuân lệnh, đem cái tài hoa rèn luyện nhiều năm gian khổ của mình biểu hiện tình vua. Phấn khởi của niềm sáng tạo làm chàng quên cả bao nhiêu mệt mỏi và chàng ngày đêm chỉ huy xây đắp công trình bằng cái cánh tay duy nhất của mình.

Chỉ một thời gian rất ngắn, hai tháp công phu đã được hoàn thành : một ngôi tháp nhỏ hiền lành đứng trước một ngôi tháp lớn uy nghi, nhìn về bể Đông, chung quanh có những tường thành bao bọc như sự gắn bó đời đời.

Và tiếng nhạc ngựa tuần du trở lại cũng vắng nghe gần.

Từ xa, thấy đỉnh ngôi tháp sáng ngời trong nắng, nhà vua vui sướng mỉm cười, buông lỏng dây cương, giục ngựa bôn về.

Nhưng đến cổng tháp, một nỗi phần nộ khác thường xâm chiếm hồn người.

Lập tức, A-Doan được truyền gọi đến cổng thành.

Vua hét to lên:

- Nhà ngươi là tên họa sĩ tạt nguyên dốt nát đã làm xúc phạm đến ta, xúc phạm đến cả thánh thần tối thượng. Tại sao ngươi dám đặt ngôi tháp nhỏ trước ngôi tháp lớn, đem sự yếu hèn đặt trước quyền uy, đem sự lệ thuộc bày nơi chính diện?

A-Doan vội ngẩng cao đầu, mắt chàng sáng quắc long lên một nỗi bất bình tột độ cố ghìm nén lại. Giọng nói ôn tồn ngày xưa đã mất, và chàng khinh bạc trả lời:

- Muôn tâu hoàng thượng, ngài đã lầm rồi. Tất cả công trình sáng tạo không phải là trò suy tưởng mộng lung, tùy theo hứng thích cá nhân mà phải phù hợp với hai sự thực : sự thực của bản thân nó, sự thực của hoàn cảnh nó.

Bản thân công trình, theo ý của ngài, là thể hiện lòng bảo vệ, nhưng xin hỏi ngài bảo vệ là gì, nếu không nói là đùm bọc, chở che, là ôm nơi lòng, là ấp nơi ngực, là đem kẻ muốn dựa cậy thân yêu đặt trước mặt mình? Tinh thần bảo vệ chân chính bao hàm ý nghĩa hy sinh về phần kẻ mạnh, chứ

không bắt buộc kẻ yếu diễn trò lệ thuộc, tạo một hình ảnh đáng thương của kẻ tôi đòi bé mọn theo sau người chủ phương phi.

Thêm nữa cái công trình ấy nằm trong hoàn cảnh nước ta, ngược mặt nhìn về Đông Hải, hằng năm phải chịu những trận bão dữ thối cuồng gieo sự phẫn nộ vào trong núi lớn. Cho dù kiến trúc công phu đến mức độ nào, cũng khó đương đầu sức gió, trải qua thời gian phá hoại lâu dài. Bệ hạ hẳn rõ, những gì cao lớn càng dễ tan tành. Ví phỏng, tuân theo thánh ý thì một ngày kia ngọn tháp qui mô đặt trước gió cuồng sụp đổ, thử hỏi tháp nhỏ làm sao thoát được điều tàn?

Nhà vua lạnh lùng đáp lại:

- Một khi kẻ lớn tan tành, kẻ nhỏ không quyền sống sót.

A-Doan cũng không giấu vẻ lạnh lùng, ngạo nghễ trả lời:

- Thưa ngài, ý nghĩa của sự bảo vệ không phải là để kẻ nhỏ bị chính kẻ lớn chôn vùi.

Rồi nhớ mấy tiếng “tật nguyên dốt nát” phán truyền từ miệng nhà vua, chàng lùi một bước, ngăm nhìn kẻ đủ quyền uy đứng trước mặt mình, nói tiếp:

- Đành rằng kẻ yếu hèn này phải chịu tật nguyên để mà bảo vệ ngai vàng hoàng thượng, nhưng xin hoàng thượng hiểu cho, trên đường nghệ thuật không phải có đủ hai tay mới hết ngu si.

Vùng trán kiêu hãnh càng cao, nụ cười khinh bạc càng đậm và chàng họa sĩ A-Doan hiên ngang đứng trước nhà vua bên vực cho sự xây dựng của mình.

Nhưng một vị vua bao giờ cũng tin mình chẳng sai lầm. Và thấy rõ được sai lầm của đấng quân vương, là kẻ có tội.

Những kẻ có tội đều đáng bêu đầu.

Lập tức, A-Doan bị đem ra trước cửa thành.

Máu chàng thấm tươi chảy xuống chan hòa mặt đất khiến kẻ qua đường ôm mặt ghen ngào.

Nhưng bên xác chàng, một người đã đến.

Lạnh lùng cúi xuống, Phô-Mai rút lấy thanh gươm A-Doan vẫn giắt bên mình.

Thanh gươm còn dính máu thù mang về từ chốn chiến trường để làm kỷ niệm.

Thanh gươm của kẻ suốt đời chỉ biết chiến đấu bênh vực lẽ phải, bảo toàn sự thực.

Và nàng quì xuống bên chàng, như ngày xưa kia chàng thường quì xuống để sửa mái tóc cho nàng.

Nàng áp bàn tay lên má lạnh ngắt của chàng rất lâu rồi đưa gươm lên.

Xác nàng ngã gục bên chàng như đôi vợ chồng âu yếm, máu nàng hòa lẫn máu chàng như một niềm son thắm thiết muôn đời...

Năm

Người khách của ông Cửu Dật – vị giáo sư khảo cổ – đặt bát nước chè tươi xuống tấm phản gỗ, rồi nói:

- Sau khi biết nàng Phô-Mai đã chết ở dưới chân thành, nhà vua đã làm một bài thơ dài cho khắc lên tấm bia lớn đặt giữa hai tháp. Rất tiếc, tôi không nhớ trọn, chỉ còn mang máng mấy câu mà tôi diễn dịch như sau:

*Có những thần linh cho đến trọn đời ta không được thấy,
Có những con người dấu đến trọn đời ta không được yêu.
Như con sông kia chảy mãi về Đông ngọn nước xuôi chiều
Thấy những sườn non tươi tốt nhưng không bao giờ gần gũi
Hạnh phúc mơ hồ như trong đôi tay chơi với
Vội xuống lòng sông ôm lấy trời xa.
Mối tình vô biên chôn sâu dưới đáy lòng ta
Và niềm tin tưởng cao siêu đặt trên chót đỉnh.
Những gì quý nhất của muôn đời yêu kính,
Ta gởi trong ta cho đến bao giờ?...*

Vị giáo sư cúi nhìn trong lòng bát nước chỉ còn chất cặn, giọng nói trở nên chán nản:

- Có lẽ cụ đã đọc thấy dòng chữ “những gì quý nhất để trên chót đỉnh và chôn dưới đáy sâu” là do những mảnh bia vụn ghép lại tình cờ đôi ý trong mấy câu thơ cuối cùng. Từ lâu tôi theo cổ sử lưu truyền, những muốn tìm tấm bia ấy, nhưng bao công trình trong các tháp xưa đã bị phá hủy bằng những bàn tay đói vàng. Ở đâu người ta cũng chỉ nhìn thấy tấm lòng thực lợi của mình. Hết cả nghệ thuật, hết cả sinh hoạt tinh thần, hết cả ý nghĩa lịch sử, mà chỉ toàn là lòng tham, toàn là thèm muốn, chỉ là giày xéo cho đổ vỡ, phá hoại cho tiêu điều. Cụ xem, cả đến ngôi tháp lạ lùng, vĩ đại, ngày nay cũng mất nóc rồi! Tảng đá thiêng liêng đặt ở trên cao chẳng còn nữa

rồi! Có lẽ người ta nghĩ nó chứa toàn vàng ngọc! Mất tảng đá ấy, ngôi tháp làm sao chịu đựng gió mưa công phá hàng ngày cũng như mất hẳn niềm tin con người làm sao đương đầu thắng lợi với những gian nguy? Những khối óc mờ ám vì điều tư lợi không thấy xa hơn tầm ruột của mình, nói gì đến cái cao siêu?

Vị giáo sư đứng dậy, lật бет kéo giày ra sân, đôi tay chống lên cạnh sườn, nhú mắt nhìn về ngôi tháp.

Riêng ông Cửu Dật gần như không còn nghĩ ngợi gì nữa. Ông ngồi lặng yên, đầu óc trống rỗng, con mắt duy nhất lơ dờ nhìn vào khoảng trống trước mặt như thấy một màu hoàng hôn chìm xuống dần dần, xóa đen cả cuộc đời mình.

Mùa đông năm Bính Thìn, một trận bão lớn ngoài khơi Đông Hải tràn vào bờ bể miền Trung, lông lốc quay cuồng suốt mấy ngày liền. Ngọn gió đem mưa thối về mạn núi tới tấp, cả miền Thăng Bình chìm sâu trong sự vùi dập tơi bời.

Dòng sông Ly-Ly mực nước tràn dâng cuộn cuộn lồi theo muôn lớp rác rêu và cầu Ông Triệu, ở dưới ao Vuông, ồ ạt trôi đi với dòng thác lũ. Gió chuyển từng luồng mãnh liệt bẻ cong rừng cốc Vĩnh Huy, quạt mạnh từng cơn, xô rạt cây rừng Đồng Dương, xoáy vào lòng ngôi Tháp Mẹ, hú lên những tiếng rất dài như sự khiếp hãi bốc dậy từ trong ruột tháp.

Suốt mấy ngày mưa, ông Cửu nằm ốm li bì. Ông nghe tiếng gió gầm thét ngoài rừng, rít lên trên mái tranh nhà và qua những giọng hú dài vắng lại, tưởng như có những hồn oan chỗi dậy gọi mình. Ông chìm trong cơn mê sáng đầy bao ác mộng hãi hùng và co quắp lại như một cành khô sắp mục.

Ngọn gió thổi nhanh vào lúc nửa đêm, lồng lộn trên khắp núi rừng miền Thượng Thăng Bình và bất thành lình xoáy sâu vào lòng Tháp Mẹ, vụt bốc lên cao. Tiếng hú ghê hồn bốc dậy và một tiếng ầm dữ dội, chấn động cả một vùng xa : Tháp Mẹ sụp ngã tan tành, biến thành một khối ngổn ngang, vung vãi đá gạch bốn bề phủ che mấy lớp bờ thành vây bọc.

Nhiều cụ già ở chợ Việt An, cách xa chỗ tháp trên mười cây số, mất ngủ trong đêm mưa gió, bỗng ngồi choàng dậy, một tay che lấy ngọn đèn chực

tắt, một tay hứng lấy bờ tai ngơ ngác khi nghe tiếng động lạ lòng theo gió dội về.

Giữa phút mê man, ông Cửu bỗng kêu rú lên, hai tay gầy guộc quờ quạng trên không, ú ớ vài lời mê sảng rồi ông giẫy giụa yếu ớt như đêm khuya nào Ta-Khốt đã cố vẫy vùng tuyệt vọng để nuôi côi đời.

Bên ngoài gió vẫn kêu rú liên hồi, lồng lộn điên cuồng trên các rừng cây.

Bà Cửu đưa tay vuốt lấy mắt chồng rồi bưng mặt khóc, tiếng khóc khô khan mệt nhọc lịm dần ở trong cổ họng già nua.



Ngày nay, du khách đến miền Đồng Dương chỉ thấy trơ lại một ngôi tháp nhỏ tiêu điều. Về ngôi tháp lớn, chỉ là gạch vụn hoang tàn. Về ngôi giếng cổ, chỉ là hố sâu chen chúc những loài cỏ dại. Ngôi giếng bắt đầu cạn nước và khô kiệt dần, từ lâu, khi những người dân quanh vùng lặn xuống mò cua bắt cá ở ao Vuông bỗng nghe mùi tanh khủng khiếp của những thịt người vừa nát.

12-1960

VŨ HẠNH

Table of Contents

[Một](#)

[Hai](#)

[Ba](#)

[Bốn](#)

[Năm](#)